

KẾ HOẠCH
Phát triển giáo dục đào tạo năm 2018

Căn cứ văn bản số 1636/GDDT-KHTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục - đào tạo năm 2018.

Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo huyện năm 2018 với nội dung cụ thể như sau:

Phần I

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2016 (NĂM HỌC 2016 - 2017) VÀ ƯỚC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2017 (NĂM HỌC 2017 - 2018)

A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Củ Chi là một huyện ngoại thành của Thành phố Hồ Chí Minh, với diện tích tự nhiên là 43.496 ha (trong đó diện tích đất nông nghiệp là 25.289 ha), huyện có 20 xã và 01 thị trấn. Xã có diện tích lớn nhất là xã Tân Phú Trung (30.77 km²) và Thị trấn Củ Chi có diện tích nhỏ nhất là 3.79 km². Dân số toàn huyện là 415.993 người, với tổng số hộ là 110.980, trong đó khu vực đô thị chiếm 6%, khu vực nông thôn chiếm 94%, có nhiều dân tộc anh em cùng sinh sống trong đó người Kinh chiếm đa số (81,90%), các dân tộc khác chiếm tỉ lệ không đáng kể (Hoa: 0,39%, Khơme, Tày, Thái: 17,71%).

Về giao thông, Củ Chi có thế mạnh là tuyến đường Xuyên Á (Quốc lộ 22) chạy dọc suốt theo chiều dài của huyện nối với Campuchia qua Cửa khẩu kinh tế Mộc Bài của tỉnh Tây Ninh nên Củ Chi trở thành cầu nối giao lưu kinh tế và giao thương đường bộ giữa Thành phố Hồ Chí Minh với vùng kinh tế trọng điểm và các khu công nghiệp.

Trong thời gian qua, cùng với việc hiện đại hóa nông thôn, mở rộng đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông làm nền tảng cho sự phát triển cơ sở hạ tầng, xây dựng mới các công trình phục vụ công cộng, ngày càng đáp ứng nhu cầu thiết yếu cho đời sống nhân dân, phục vụ sản xuất và cùng với chính sách thu hút đầu tư, có nhiều doanh nghiệp đến đầu tư trên địa bàn huyện.

B. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỦA HUYỆN

Giáo dục và đào tạo được đổi mới về mô hình quản lý, tăng cường đổi mới phương pháp giảng dạy; cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học, chất lượng

giáo dục có sự chuyển biến rõ rệt; mạng lưới cơ sở giáo dục được mở rộng đều khắp các xã, thị trấn tạo điều kiện thuận lợi cho tất cả trẻ em trên địa bàn đều được đến trường. Hệ thống trường, lớp không ngừng phát triển; được đầu tư sửa chữa, xây dựng mới phục vụ cho việc chăm sóc giáo dục trẻ, trong điều kiện khó khăn vẫn đảm bảo được yêu cầu theo quy định.

Huyện Củ Chi đã triển khai và thực hiện tốt Quy hoạch mạng lưới trường lớp trên địa bàn huyện. Hằng năm trên địa bàn huyện đều có kế hoạch xây dựng trường học và tiến hành triển khai thi công các công trình đã được cấp vốn theo đúng tiến độ để sớm đưa vào sử dụng phục vụ nhu cầu học tập của con em nhân dân Củ Chi.

Tuy nhiên việc đầu tư xây dựng trường lớp trên địa bàn huyện chưa thật sự đáp ứng kịp nhu cầu học tập của trẻ trong độ tuổi đến trường do số lượng trẻ tăng nhanh qua từng năm trong khi quỹ đất để triển khai thực hiện các dự án chưa có, phải chờ.

1. Phát triển mạng lưới trường lớp và quy mô học sinh.

1.1. Phát triển mạng lưới trường lớp :

a). Bình quân số trường/ xã (Phường).

- Mầm non: 1,8 trường/ 1 xã- thị trấn,
- Tiểu học: 1,9 trường/ 1 xã- thị trấn
- Trung học cơ sở: 1,1 trường/ 1 xã - thị trấn

b). Số lớp bình quân/ trường.

- Mầm non: 11 lớp/1 trường
- Tiểu học: 20 lớp/1 trường
- Trung học cơ sở: 21 lớp/1 trường

c). Diện tích bình quân/trường

- Mầm non: 6.455m²/1 trường
- Tiểu học: 8.422m²/1 trường
- Trung học cơ sở: 9.693m²/1 trường

d). Số m² diện tích/ học sinh.

- Mầm non : 17,24 m²/1 học sinh
- Tiểu học: 12,4 m²/1 học sinh
- Trung học cơ sở: 12,0 m²/1 học sinh

1.2. Qui mô trường, lớp, học sinh:

	2015 - 2016	2016 - 2017	So sánh tăng giảm NH: 2016-2017 với 2015-2016	Ghi chú

			Số lượng	Tỉ lệ	
1.1. SỐ TRƯỜNG:	101	103	+2	1,01%	
+ Mầm non:	39	41	+2	1,05%	
Công lập:	29	29	0	0	
Ngoài công lập:	82	90	+8	1,09%	
Trường MN	10	12	+2	1,2%	
Nhóm- lớp	72	78	+6	1,08%	
+ Tiểu học:	39	39	0	0%	
+ THCS:	23	23	0	0%	
1.2. SỐ LỚP	1953	1998	+45	1,02%	
+ Mầm non:	540	559	+19	3.15%	
Công lập:	321	324	-3	0%	
Ngoài công lập:	219	235	+16	7.76%	
Trường MN	66	81	+15	4.55%	
Nhóm- lớp	153	154	+1	9.15%	
+ Tiểu học:	884	883	-1	3.17%	
+ THCS:	529	556	+27	4.35%	
1.3. SỐ HỌC SINH	69584	72454	+2870	1,04%	
+ Mầm non:	14.329	16262	+1933	1,1%	
Công lập:	9.215	10494	+1279	1,13%	
Ngoài công lập:	5.114	5768	+654	1,12%	
Trường MN	2088	2580	+500	1,23%	
Nhóm- lớp	3026	3188	+162	1,05%	
+ Tiểu học:	34.130	34208	+78	1,0%	
+ THCS:	21.125	21984	+859	1,04%	

2. Những kết quả về nâng cao chất lượng giáo dục-đào tạo, chất lượng nguồn nhân lực

2.1. Thực hiện tuyển mới các lớp đầu cấp

Căn cứ trên mô hình trường, lớp hiện có và đội ngũ giáo viên tại mỗi đơn vị, từng đơn vị rà soát số trẻ hiện có trên địa bàn, đảm bảo đủ điều kiện học tập cho học sinh 5 tuổi, lớp 1, lớp 6.

2.2. Tình hình phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

Tổng số công chức, viên chức, người lao động toàn ngành đến thời điểm tháng 9/2017: 3682 người.

Số công chức, viên chức 3 cấp học mầm non, tiểu học (bao gồm Trường NDTEKT) và trung học cơ sở: 3682 người, trong đó:

Bậc học	CBQL		Giáo viên		Nhân viên
	Tổng số	Tham gia bồi dưỡng nâng chuẩn	Tổng số	Tham gia bồi dưỡng nâng chuẩn	
Bậc MN	79	79 (100%)	617	558 (90,4%)	167
Bậc TH	93	92 (98,9%)	1255	1200 (95,6 %)	213
Bậc THCS	49	47 (95,9%)	1088	912 (83,8%)	121
Tổng	221	218 (98,6%)	2960	2670 (90,2%)	501

* Trong số cán bộ quản lý, giáo viên trên chuẩn, có 17 người tốt nghiệp Cao học và 05 người đang học. Trong đó, cấp mầm non có 1 CBQL đã tốt nghiệp; cấp tiểu học có 2 GV đang học; cấp THCS có 02 CBQL, 14 GV đã tốt nghiệp và 3 GV đang học.

Số công chức, viên chức của đơn vị trực thuộc: 28 người (trong đó: NDTEKT 15, BDGD 13).

Số công chức Phòng Giáo dục và Đào tạo: 24 người.

2.2.1. Công tác xây dựng đội ngũ, tổ chức quản lý và sử dụng cán bộ công chức.

Công tác xây dựng đội ngũ luôn được lãnh đạo các cấp quan tâm chỉ đạo thực hiện. Qua các lớp đào tạo, bồi dưỡng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên ngày càng được nâng cao.

Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo việc luân chuyển , điều động cán bộ quản lý, thực hiện việc sắp xếp bộ máy, sử dụng cán bộ công chức phù hợp với chức trách, nhiệm vụ được giao. Đảm bảo thực hiện đầy đủ các chế độ, chính

sách, xây dựng phát triển đội ngũ và xây dựng văn hóa nhà trường, chất lượng dạy và học có nhiều tiến bộ.

2.2.2. Tình hình đào tạo mới giáo viên bộ môn.

Hiện tại, 05 lớp đào tạo giáo viên mầm non, tiểu học đang học tại Trường Bồi dưỡng Giáo dục. Trong đó, có 03 lớp Đại học Sư phạm Tiểu học với tổng số học viên là 243 học viên (phối hợp với Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh), 01 lớp Cao đẳng Sư phạm mầm non với 92 học viên và 01 lớp Cao đẳng Sư phạm Âm nhạc với 35 học viên (phối hợp với Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh) mới vừa thi tốt nghiệp. Tổng số học viên các lớp cao đẳng, đại học đào tạo mới đặt tại Trường Bồi dưỡng Giáo dục là 370 học viên.

2.2.3. Tình hình bồi dưỡng chuẩn hóa đội ngũ.

** Công tác chuẩn hóa nghiệp vụ quản lý.*

Tổng số cán bộ quản lý đương nhiệm đã và đang chuẩn hóa nghiệp vụ quản lý: 219/221, còn 02 cán bộ quản lý chưa được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý (MN: 01, TH: 01).

Trong năm học 2016-2017, Trường Bồi dưỡng Giáo dục tiếp tục quản lý 01 lớp Bồi dưỡng Hiệu trưởng trường MN, TH, THCS với 93 học viên là cán bộ quản lý chưa tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý và đội ngũ giáo viên kế cận.

** Công tác chuẩn hóa trình độ chuyên môn đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên.*

Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ đạt chuẩn là: 3168/3181, chiếm tỉ lệ 99,6%.

Tổng số giáo viên chưa đạt chuẩn: 13 (MN: 9, TH: 3, THCS: 1), trong đó, số giáo viên dạy lớp chưa chuẩn hóa là 3 người (MN: 3), đa số do lớn tuổi không thể theo học các lớp đào tạo chuyên môn, theo Quyết định 22, các trường vẫn bố trí các giáo viên này dạy lớp. Còn lại 10 giáo viên chưa đạt chuẩn đã được bố trí làm công tác khác.

Số cán bộ quản lý, giáo viên mầm non ngoài công lập có trình độ đạt chuẩn là 180/181. Tỉ lệ 99,4% (Còn 01 CBQL chưa đạt chuẩn).

Năm học 2016-2017, Trường Bồi dưỡng Giáo dục đã phối hợp Trường Cao đẳng sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức 07 lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên các cơ sở mầm non ngoài công lập với 354 học viên (CBQL: 95, GV: 200, NV: 59).

2.2.4. Tình hình đào tạo nâng chuẩn đội ngũ.

Tính đến thời điểm tháng 9/2017, có 02 lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn từ cao đẳng lên đại học đang học tại Trường Bồi dưỡng giáo dục, trong đó lớp đào tạo Giáo dục mầm non (phối hợp Trường Đại học Sư phạm

Thành phố Hồ Chí Minh) với 61 học viên và 01 lớp đào tạo Giáo dục tiểu học (phối hợp Trường Đại học Sài Gòn) với 46 học viên.

Tính đến tháng 5/2017, số CBQL, GV 3 cấp học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường Nuôi dạy trẻ em khuyết tật đã và đang được đào tạo nâng chuẩn là 2888/3181, đạt tỉ lệ 90,8% . Trong đó:

Mầm non: 637/696, tỉ lệ 91,5%, (Cao đẳng: 225, Đại học: 411, Cao học: 1)

Tiểu học: 1292/1348, tỉ lệ 95,8% (Cao đẳng: 618, Đại học: 672, Cao học: 2)

Trung học cơ sở: 959/1137, tỉ lệ 84,3% (trong đó Đại học: 940, Cao học: 19)

Ngoài ra các trường mầm non ngoài công lập, có 74/181 cán bộ giáo viên trên chuẩn chiếm tỉ lệ 40,9% (Cao đẳng 54, Đại học 20).

*** Cán bộ quản lý:** Tổng số CBQL 3 bậc học (trong đó có Trường Nuôi dạy trẻ em khuyết tật) trên chuẩn là 218/ 221 người, tỉ lệ 98,6 %. Cụ thể:

Mầm non: 79/79 – tỉ lệ 100%

Tiểu học: 92/93 – tỉ lệ 98,9%

Trung học cơ sở: 47/49 – tỉ lệ 95,9%

*** Giáo viên:** Tổng số giáo viên 3 bậc học (trong đó có Trường Nuôi dạy trẻ em khuyết tật) trên chuẩn là 2670/2960 người, tỉ lệ 90,2%. Trong đó, giáo viên trực tiếp dạy lớp trên chuẩn là 2569/2814, tỉ lệ 91,3%. Cụ thể:

Mầm non: 558/617 – tỉ lệ 90,4%. Trong đó giáo viên trực tiếp dạy lớp trên chuẩn là 558/617 – tỉ lệ 90,4%.

Tiểu học: 1200/1255 – tỉ lệ 95,6%. Trong đó giáo viên trực tiếp dạy lớp trên chuẩn là 1128/1167 – tỉ lệ 96,7%.

Trung học cơ sở: 912/1088 – tỉ lệ 83,8%. Trong đó, giáo viên trực tiếp dạy lớp trên chuẩn là 883/1037 – tỉ lệ 85,1%.

*** Cán bộ quản lý, giáo viên đã và đang học Cao học: 22 người.** Trong đó:

Mầm non: 01 cán bộ quản lý đã tốt nghiệp.

Tiểu học: 2 giáo viên đang học.

Trung học cơ sở: 19 người. Trong đó, đã tốt nghiệp 16 (02 cán bộ quản lý và 16 giáo viên), đang học 03 giáo viên.

2.2.5. Các hoạt động bồi dưỡng khác.

*** Bồi dưỡng chuyên đề:**

Bồi dưỡng chuyên đề: Năm học 2016-2017, thực hiện tổng số 01 chuyên đề cấp Thành phố bậc Tiểu học và 50 chuyên đề, thao giảng, tập huấn cấp huyện. Trong đó, mầm non 03 chuyên đề, cấp tiểu học 25 chuyên đề, thao giảng và cấp trung học cơ sở 22 chuyên đề, thao giảng.

Hầu hết các chuyên đề đều được đánh giá có chất lượng tốt, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập của thầy và trò các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở.

Cùng với cấp huyện, cấp Cụm đã tổ chức 45 chuyên đề, thao giảng (mầm non 4, tiểu học 40, trung học cơ sở 1) và các trường cũng đã tổ chức 669 chuyên đề, thao giảng (trong đó, mầm non: 87, tiểu học: 351, trung học cơ sở: 231).

Ngoài ra, trong năm học đã tổ chức 01 chuyến học tập, tham quan thực tế tại Côn Đảo cho 142 cán bộ quản lý, giáo viên các bộ môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý và Giáo dục công dân các trường trung học cơ sở trong huyện.

** Bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học:*

+ Công tác phổ cập ngoại ngữ: Số cán bộ quản lý, giáo viên đạt chứng chỉ A Anh văn trở lên là 3001/3181, tỉ lệ 94,3%, trong đó:

Mầm non: 660/696- tỉ lệ 94,8%

Tiểu học: 1258/1348- tỉ lệ 93,3%

Trung học cơ sở: 1083/1137- tỉ lệ 95,3%

* Ngoài ra, các trường ngoài công lập đạt chứng chỉ A Anh văn trở lên có 98/181 tỉ lệ 54,1%

+ Công tác phổ cập tin học: Số cán bộ quản lý đạt chứng chỉ A tin học trở lên là 3041/3181, tỉ lệ: 95,6 %. Trong đó:

Mầm non : 690/696 - tỉ lệ 9,1%

Tiểu học : 1318/1348- tỉ lệ 97,8%

Trung học cơ sở: 1033/1137- tỉ lệ 90,9%

* Ngoài ra các trường ngoài công lập số cán bộ quản lý, giáo viên đạt chứng chỉ A tin học trở lên là 120/181 - tỉ lệ 66,3 %, có chứng nhận Ứng dụng CNTT là 51, chứng nhận Intel là 18.

Số cán bộ quản lý, giáo viên có chứng nhận ứng dụng công nghệ thông tin là 1652, trong đó: mầm non: 369, tiểu học: 863, trung học cơ sở; 420).

Số cán bộ quản lý, giáo viên có chứng nhận intel là: 1462, trong đó: mầm non: 394, tiểu học: 545, trung học cơ sở : 523).

Bồi dưỡng lý luận chính trị:

Số cán bộ quản lý, giáo viên đã và đang học lý luận chính trị từ trung cấp trở lên là 464/3181, tỉ lệ 14,6%.

2.3. Công tác Bồi dưỡng thường xuyên:

Trong năm học 2016-2017, Phòng Giáo dục và Đào tạo và Trường Bồi dưỡng Giáo dục đã tổ chức 02 đợt kiểm tra việc thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng và bồi dưỡng thường xuyên tại các trường mầm non,

tiểu học và trung học cơ sở; tổ chức các lớp bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ quản lý, giáo viên cấp học mầm non; xây dựng các tiêu chí đánh giá và thực hiện đánh giá kết quả bồi dưỡng thường xuyên của cán bộ quản lý các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và đơn vị trực thuộc; thực hiện tổng hợp, báo cáo kết quả bồi dưỡng thường xuyên năm học 2016-2017 theo quy định.

Kết quả bồi dưỡng thường xuyên năm học 2016-2017:

Hoàn thành: 3129/3181 CB-GV, Tỷ lệ 98.4%

Không hoàn thành 52/3181 CB-GV. Tỷ lệ: 1.6%

Đối với mầm non ngoài công lập:

Hoàn thành: 148/181 CB-GV, Tỷ lệ 81,8%

Không hoàn thành 33/181 CB-GV. Tỷ lệ: 18,2%. Trong đó CBQL: 06, GV: 27.

3. Chất lượng giáo dục:

3.1. Giáo dục mầm non:

3.1.1. Tổ chức học 2 buổi/ngày, bán trú (tỷ lệ):

Tổng số học sinh học 2 buổi/ngày: 16.053/16.188 trẻ - tỷ lệ: 99.17%, (nhà trẻ: 1171 trẻ, mẫu giáo: 14.882 trẻ). Tăng so với năm học 2015 - 2016: tăng 0.26%

Riêng học sinh 5 tuổi học 2 buổi/ngày 6.629/6.629 trẻ - tỷ lệ: 100%. Trong đó học sinh 5 tuổi học bán trú: 5.396/6.629 trẻ - tỷ lệ: 81.40%. Tăng so với năm học 2015-2016: tăng 2.93%

3.1.2. Thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi:

Các đơn vị mầm non công lập thực hiện tốt việc xây dựng kế hoạch công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi theo tiến độ thời gian văn bản số 1559/KH-UBND, ngày 19/4/2011 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi về Kế hoạch thực hiện Đề án phổ cập giáo dục cho trẻ mầm non năm tuổi trên địa bàn huyện Củ Chi.

- Trẻ 5 tuổi đang học tại trường: 6.629 trẻ.

+ Trẻ 5 tuổi học 2 buổi/ngày: 6.629/ 6.629 trẻ - tỷ lệ 100%.

+ Trẻ 5 tuổi học bán trú: 5.396/6.629 trẻ - tỷ lệ 81,39 % (so với năm học 2015 -2016 trẻ học bán trú tăng 5,54%.

+ Trẻ 5 tuổi được theo dõi đánh giá Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi 6.629 /6.629 trẻ - tỷ lệ 100%.

+ Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non: 6.629/ 6.629 trẻ - tỷ lệ 100%.

+ Tỷ lệ chuyên cần: 6.629/6.629 trẻ, tỷ lệ 100%.

+ Suy dinh dưỡng thể nhẹ cân: đầu vào 79/6.629 trẻ- tỷ lệ 1,1%; phục hồi 79/79 xóa không còn trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân.

+ Suy dinh dưỡng thấp còi: đầu vào 54/6.629 – tỉ lệ 0,8%; phục hồi 54/54 xóa không còn trẻ suy dinh dưỡng thấp còi.

3.1.3. Thực hiện chương trình:

+ Tiếp tục nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục giai đoạn 2016 – 2020 của cấp học mầm non theo công văn số 171/GDDT-MN ngày 15/02/2016 của Phòng Giáo dục và Đào tạo, đồng thời có kế hoạch kiểm tra chuyên môn tại các trường mầm non nhằm nâng cao chất lượng thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

+ Phối hợp bộ phận kiểm tra Phòng Giáo dục và Đào tạo kiểm tra đổi mới công tác quản lý của Hiệu trưởng và tình hình thực hiện công tác quản lý chuyên môn tại 16 đơn vị mầm non công lập, kiểm tra công tác tổ chức và hoạt động tại các trường, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tự thực theo kế hoạch nhằm định hướng cho các đơn vị thực hiện tốt các loại hồ sơ sổ sách trong quản lý, thực hiện chương trình giáo dục mầm non đáp ứng phương pháp đổi mới giáo dục hiện tại.

+ Tăng cường kiểm tra và phúc tra các trường mầm non, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tự thực về việc tu bổ cơ sở vật chất, trang bị đồ chơi phát triển vận động ngoài trời, bổ sung đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục theo Quyết định 3141/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

+ Tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp huyện năm học 2016-2017, có 105 giáo viên tham gia. Phần lý thuyết: có 40 giáo viên đủ tiêu chuẩn tham gia thi phần thực hành. Kết quả: Giải Nhất: 01, giải Nhì: 02, giải Ba: 02, giải khuyến khích: 09 và 12 đạt giáo viên dạy giỏi cấp huyện.

+ Tiếp tục đơn giản hóa hồ sơ sổ sách của giáo viên: sử dụng phần mềm Mind - Manager vào việc lập kế hoạch giáo dục và mạng nội bộ để quản lý kế hoạch giáo dục.

3.2. Giáo dục phổ thông:

3.2.1. Giáo dục tiểu học:

Tổ chức dạy- học:

Năm học 2016 – 2017, huy động được 34.208 học sinh đến lớp, tăng 78 học sinh so với năm học trước. Trong đó, trẻ 6 tuổi vào lớp 1 (sinh năm 2010) là 4.816/ 4.846, đạt 100%; học 2 buổi/ngày là 29.033 em, đạt tỉ lệ: 84,9%, (tăng 7,3%); học 2 buổi/ngày (có bán trú) có 6.287, đạt tỉ lệ 17,34% (tăng 1,34%); có 3.941 em học tiếng Anh tăng cường (tăng 38,06%); 1.049 em học tiếng Anh tự chọn (giảm 69,79%); Tin học tự chọn: 10.884 học sinh, tăng 9,53% so với năm học 2015 – 2016.

Thực hiện chương trình:

* Về đổi mới phương pháp dạy học, đẩy mạnh các phương pháp dạy học tích cực, phương pháp “Bàn tay nặn bột”

Đa số giáo viên giảng dạy đúng phương pháp bộ môn và tổ chức hình thức dạy học hợp lý; vận dụng hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực, phương pháp “Bàn tay nặn bột”; tổ chức cho học sinh làm việc một cách tích cực, chủ động trong tìm hiểu, phát hiện kiến thức mới và vận dụng vào luyện tập thực hành. Tính đến cuối năm học, có 26.533 tiết dạy có ứng dụng công nghệ thông tin, phương tiện nghe nhìn trong giảng. Trong đó, có 3.476 tiết Khoa học, Lịch sử và Địa lý góp phần làm cho lớp học được sinh động, học sinh hứng thú tìm hiểu bài.

Tuy nhiên, còn một số giáo viên chưa quan tâm đến các đối tượng học sinh trong lớp; chưa khai thác hết hiệu quả của việc ứng dụng công nghệ thông tin; còn giảng giải, làm thay học sinh; chưa quan tâm tư thế ngồi viết, cách cầm sách cho học sinh. Một số giáo viên lớp 1 chưa tổ chức cho học sinh nghỉ giữa tiết. Một số giáo viên sử dụng ngôn ngữ Tiếng Anh trong giờ dạy còn hạn chế; chưa động viên, khuyến khích, tạo điều kiện cho học sinh được giao tiếp bằng Tiếng Anh.

** Về thực hiện mô hình trường học mới (VNEN)*

Năm học 2016 - 2017, có 17 trường tiếp tục thực hiện mô hình VNEN, giảm 1 Trường Tiểu học Tân Thạnh Đông 2 do đang tiến hành xây dựng mới.

Phòng Giáo dục và Đào tạo tiếp tục duy trì 2 cụm chuyên môn đối với 18 trường để chia sẻ kinh nghiệm và cùng tháo gỡ khó khăn theo tinh thần văn bản số 86/GPE-VNEN ngày 18/3/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn ở các trường triển khai mô hình VNEN”.

** Về dạy Luyện từ và câu, Mỹ thuật theo phương pháp Đan Mạch*

Đa số các trường đã vận dụng việc dạy học có hiệu quả môn Luyện từ và câu làm cho giờ dạy trở nên tự nhiên, hiệu quả hơn. Chất lượng các tiết dạy được nâng lên rõ rệt. Học sinh chủ động, sáng tạo trong việc lĩnh hội kiến thức mới. Các em đã bộc lộ được trí tuệ, tài năng của mình trong khi làm các bài tập, dạng trò chơi, câu đố... Vốn từ ngữ của học sinh trở nên phong phú hơn. Khả năng diễn đạt khi nói và viết văn tốt hơn. Khả năng sử dụng tiếng mẹ đẻ đã tương đối thành thạo, các em rất tự nhiên trong giao tiếp đó là một trong những kỹ năng cần thiết trong cuộc sống.

** Về triển khai và đánh giá học sinh theo Thông tư số 22/TT-BGDĐT*

Công tác tổ chức kiểm tra, đánh giá học sinh theo Thông tư 22/TT-BGDĐT ở các trường đã đi vào nề nếp, theo đúng các văn bản hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo từ các khâu: xây dựng kế hoạch ôn tập kiểm tra, ban hành quyết định thành lập ban ra đề, hợp đồng với cơ sở photo đề đến việc tổ chức xây dựng, thống nhất ma trận đề; ra đề chính thức và tổ chức coi, chấm bàn giao chất lượng giáo dục.

* *Về thực hiện đề án dạy tiếng Anh:* Tổng số trường dạy Tiếng Anh là 37 trường. Tỷ lệ học sinh học tiếng Anh đạt 75,8%, tăng 12,3% so với năm học trước.

Hầu hết các trường đã triển khai thực hiện chương trình Tiếng Anh thực hiện Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020” theo Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30/9/2008 của Thủ tướng Chính phủ; triển khai dạy học Tiếng Anh theo Quyết định số 3321/QĐ-BGDĐT ngày 12/8/2010 về việc ban hành Chương trình thí điểm Tiếng Anh tiểu học và các văn bản hướng dẫn.

* *Về tổ chức dạy môn Tin học:* Có 17 trường tổ chức dạy tin học, với tổng số học sinh là 10.884. Số học sinh học tin học đạt 31,8% tăng 3,0% so với năm học trước.

* *Về ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học:* có 26.533 tiết ứng dụng CNTT (tăng 7.241 tiết so với năm học trước), bình quân mỗi giáo viên dạy 30 tiết/năm học.

c) Công tác tổ chức các hoạt động ngoại khoá, giáo dục toàn diện :

* *Về hội thi “Em tập viết đúng, viết đẹp”*

Phòng Giáo dục và Đào tạo đã ban hành công văn số 1361/GDĐT-TH ngày 03/10/2016 về tổ chức Hội thi “Em tập viết đúng, viết đẹp” năm học 2016 – 2017. Sau vòng thi cấp trường, có 66 tập thể/9 đơn vị và 472 em/40 đơn vị tham gia cấp huyện, tăng 6 tập thể và 14 em so với năm học 2015-2016. Kết quả có 66 tập thể lớp và 472 học sinh đạt thành tích và được công nhận trong hội thi. Trong đó:

+ Cá nhân: 66 giải Nhất, 118 giải Nhì, 183 giải Ba và 105 em được công nhận.

+ Tập thể: 02 giải xuất sắc, 10 giải Nhất, 21 giải Nhì, 20 giải Ba và 13 tập thể lớp được công nhận.

* *Hội thi “Giáo viên dạy giỏi”*

Phòng Giáo dục và Đào tạo đã ban hành công văn số 1215/GDĐT-TH ngày 09/9/2016 về tổ chức Hội thi “Giáo viên dạy giỏi” cấp huyện, năm học 2016 – 2017. Sau các vòng thi, Phòng Giáo dục và Đào tạo đã có quyết định công nhận 18 giáo viên/162 giáo viên/36 đơn vị (3 đơn vị không có giáo viên tham gia: Trường Tiểu học Trung Lập Hạ, An Phú 2 và Tiểu học Hòa Phú), trong đó:

+ 01 Giải Nhất: giáo viên Trường Tiểu học Tân Thông.

+ 02 Giải Nhì: giáo viên Trường Tiểu học Phước Hiệp và Tiểu học Tân Thông.

+ 09 Giải Ba: giáo viên Trường Tiểu học Tân Thạnh Tây, Thị trấn Củ Chi, Phước Thạnh, Thái Mỹ, Tân Phú Trung, Tân Thạnh Đông, Thị trấn Củ Chi 2, Trần Văn Châm và Tiểu học Nhuận Đức.

+ 06 Giải Khuyến khích: giáo viên Trường Tiểu học Trung Lập Thượng, Phước Thạnh, Tân Phú Trung, An Phú 1, Tân Thạnh Tây và Tiểu học An Phước.

Các trường tiểu học đã tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi và Hội thi giáo viên chủ nhiệm giỏi theo các Thông tư hướng dẫn. Kết quả, có 432 giáo viên được công nhận “Giáo viên dạy giỏi” và 658 giáo viên được công nhận “Giáo viên chủ nhiệm giỏi” cấp trường.

Về công tác phổ cập bơi cho học sinh:

Các trường tiểu học có quan tâm đến công tác phổ cập bơi lội cho học sinh. Tuy nhiên, các trường gặp không ít khó khăn trong quá trình thực hiện như: địa điểm các hồ bơi xa trường học, một số cha mẹ học sinh chưa quan tâm, học phí còn cao đối với những gia đình khó khăn hay công tác cập nhật số học sinh biết bơi trên hệ thống công thông tin điện tử chưa kịp thời. Kết quả cuối năm học 2016-2017, có 13,87% học sinh biết bơi (số liệu thống kê trên trang web Cổng thông tin điện tử).

3.2.2. Giáo dục trung học:

Tổ chức dạy - học:

Năm học 2016-2017, huy động được 21.984 học sinh đến trường, trong đó tuyển mới vào lớp 6 là 6.180 em, đạt tỷ lệ 100%. Có 19/23 trường trung học cơ sở tổ chức dạy hai buổi/ngày; 03 trường dạy 01 buổi/ngày (Bình Hòa, Tân Thạnh Đông, Trung An); Riêng trường trung học cơ sở Tân Thạnh Tây có 02 khối lớp 6 và 7 học 01 buổi/ngày, 02 khối 8 và 9 học 2 buổi/ngày; có 07/23 trường tổ chức dạy tăng cường tiếng Anh với 30 lớp; có 987 học sinh theo học, đạt tỷ lệ 4,49% (giảm 1,11%); 17/23 trường trung học cơ sở tổ chức giảng dạy tăng cường tin học với 381 lớp, có 15.173 học sinh, đạt tỷ lệ 69 % (giảm 11,05%) so với năm học 2015-2016.

Thực hiện chương trình:

Phòng Giáo dục và Đào tạo triển khai đến Hiệu trưởng các trường thực hiện nghiêm túc, linh hoạt, sáng tạo chương trình, kế hoạch giáo dục, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục: Giao quyền chủ động cho Hiệu trưởng các trường xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục định hướng phát triển năng lực học sinh và phù hợp với thực tế của mỗi trường và khả năng học tập của học sinh theo đúng tinh thần hướng dẫn số 791/HD-BGDĐT ngày 25/6/2013 của Bộ Giáo dục và đào tạo. Hiệu trưởng các trường tạo điều kiện cho các tổ, nhóm chuyên môn, giáo viên được chủ động lựa chọn nội dung, xây dựng các chủ đề dạy học trong mỗi môn học và các chủ đề tích hợp, liên môn, đồng thời xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp với các chủ đề và theo hình thức, phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực; chú trọng giáo dục đạo đức và giá trị sống, rèn luyện kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật; tăng cường các hoạt động nhằm giúp học sinh vận dụng kiến thức liên môn vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

Tăng cường các giải pháp để tiếp tục giảm tỷ lệ học sinh yếu kém và học sinh bỏ học, tăng tỷ lệ học sinh khá, giỏi một cách thực chất.

Thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp điều kiện thực tế địa phương; rà soát, đánh giá thường xuyên chương trình, sách giáo khoa, đảm bảo nội dung dạy học đạt yêu cầu cơ bản, thuyết thực, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

Có các giải pháp thu hút học sinh rèn luyện thể thao, tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, các hoạt động nghệ thuật, sáng tạo, chú trọng các hoạt động mang tính truyền thống dân tộc; thành lập và phát triển các câu lạc bộ, tổ nhóm học tập.

Về kiểm định chất lượng giáo dục:

Các đơn vị thực hiện và hoàn thành việc tự đánh giá theo kế hoạch năm 2016- 2017. Kết quả cụ thể (Không đạt: 01 trường; đạt cấp độ 1: 12 trường; cấp độ 2: 01 trường; cấp độ 3: 09 trường).

Đề án phổ cập và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh: Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án phổ cập và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh cho học sinh trên địa bàn huyện. Chỉ đạo cho giáo viên chú ý tăng cường rèn luyện tốt các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng giảng dạy ở các lớp tăng cường tiếng Anh. Hiệu trưởng tạo điều kiện tốt cho giáo viên tiếng Anh tham dự đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong năm học. Một số trường đã ký hợp đồng với giáo viên bản ngữ để nâng cao kỹ năng nghe nói cho học sinh. Giáo viên Tiếng Anh đã hoàn thành tốt phân phối chương trình Tiếng Anh 6,7,8,9 trong năm học. Có 7/23 trường tổ chức dạy Tiếng Anh tăng cường với 30 lớp, có 987 học sinh theo học.

Ngoài ra còn có 6 trường trung học cơ sở (Thị Trấn 2, Tân Phú Trung, Tân Thông Hội, Thị Trấn, An Phú, Tân Thạnh Tây) có hợp đồng 7 giáo viên là người nước ngoài để dạy Tiếng Anh cho 27 lớp (13 lớp 6, 08 lớp 7, 04 lớp 8 và 02 lớp 9) nhằm giúp học sinh nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh và tự tin khi giao tiếp.

Kỳ thi Học sinh giỏi bộ môn cấp huyện Tổ chức Kỳ thi Học sinh giỏi cấp huyện. Tổng số thí sinh đăng ký: 87 dự thi: 873 em.

Kết quả đạt học sinh giỏi cấp huyện: 446 em.

Kỳ thi học sinh giỏi cấp thành phố

Tổng số học sinh dự thi: 152 em. Gồm các môn: Ngữ văn, tiếng Anh, Lịch sử, Địa lý, Toán, Lý, Hóa, Sinh, Công nghệ, Thực nghiệm, Kiến thức liên môn. Kết quả: đạt 57 giải (tăng hơn năm học 2015-2016: 19 giải). Trong đó: 04 giải nhất, 15 giải nhì, 38 giải ba.

Hội thi Máy tính cầm tay:

Số thí sinh dự thi: 105

Số thí sinh đạt loại giỏi cấp huyện (Điểm từ 10 trở lên): 67 em.

Đội tuyển huyện dự thi cấp thành phố 15 em có điểm từ 15,5 trở lên.
Kết quả: Đạt 01 giải ba cấp Thành phố (Trung học cơ sở Tân Thông Hội).

Hội thi Khéo tay kỹ thuật: Phòng Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với Trung tâm Kỹ thuật Tổng hợp Hướng nghiệp: Tổ chức Hội thi Khéo tay kỹ thuật cấp trung học cơ sở lúc 7 giờ 30 ngày 03/12/2015 tại trường Trung học cơ sở Thị trấn 2 có 222 học sinh đăng ký dự thi với 7 môn thi : Làm hoa, Cắm hoa, Làm thiệp, Kết hạt, Vẽ kỹ thuật, Xử lý đất, Nấu ăn.

Chọn đội tuyển mỗi môn 3 học sinh dự thi cấp thành phố : Kết quả đạt giải cấp thành phố Hội thi khéo tay kỹ thuật như sau: 08 giải trong đó 02 giải nhất (Trung học cơ sở Tân Phú Trung, Trung học cơ sở Phước Vĩnh An ; và 06 giải ba (Trung Lập, Tân Phú Trung, An Phú, Tân An Hội, Tân Thông Hội, Tân Thạnh Đông).

Thi Hùng biện Tiếng Anh: Tổ chức cuộc thi Hùng biện tiếng Anh cho học sinh. Kết quả có 8 em đạt giải. Trong đó có 2 giải nhất khối 6 & 9 (Trung học cơ sở Thị trấn 2) ; 2 giải nhì Khối 7 & 8 (Trung học cơ sở Tân Phú Trung), 2 giải ba (Trung học cơ sở Tân Thông Hội, Trung học cơ sở An Nhơn Tây), 2 giải khuyến khích (Trung học cơ sở Trung Lập, Trung học cơ sở Tân Tiến).

Tổ chức cho học sinh Hội thi Olympic tiếng Anh trên mạng Internet cấp huyện. Kết quả: Có 09 học sinh được công nhận học sinh giỏi (Tăng 03 em so với năm học 2015-2016). Gồm có :Thị trấn 2: 05 em ; Tân Phú Trung: 01 em ; Trung An: 01 em ; Tân Thạnh Đông: 01 em ; Tân Thông Hội : 01 em.

Tổ chức học sinh lớp 8 của 20 trường trung học cơ sở tham gia Hội thi tìm hiểu về chủ đề “Rừng, cây xanh với đời sống đô thị” tham dự cấp huyện và dự thi cấp thành phố. Kết quả cấp huyện : 05 em (Tân Phú Trung, Thị trấn 2, Tân Tiến, Thị trấn, Phước Hiệp).

Hội khỏe Phù Đổng: Tổ chức Hội khỏe Phù Đổng: 23/ 23 trường tổ chức Hội khỏe Phù Đổng cấp cơ sở và dự thi cấp huyện. Kết quả thi cấp thành phố đạt 37 giải. Trong đó: Võ thuật: 27 giải; Điền kinh: 08 giải; Bóng đá: 01, Bóng chuyền: 01.

Nét vẽ xanh cấp Thành phố: Tổ chức Hội thi Nét vẽ xanh lần thứ XX năm 2017: có 326 tranh công nhận cấp huyện. Kết quả đạt 05 giải cấp thành phố:

- + Trung học cơ sở Tân Tiến: 02 giải Nhất, nhì
- + Trung học cơ sở An Nhơn Tây: 01 giải Nhì
- + Trung học cơ sở Tân Thạnh Tây: 01 giải Ba
- + Trung học cơ sở Tân Thạnh Đông: 01 giải Khuyến khích

3.3. Giáo dục thường xuyên; công tác Phổ cập giáo dục:

3.3.1. Huy động ra lớp:

Giáo dục mầm non : Tổng số trẻ đến trường mầm non năm học 2016 - 2017 là 16.188 trẻ, tăng 1.565 trẻ so với năm học 2015 - 2016. Riêng trẻ 5 tuổi trong địa bàn quản lý là: 6.629/6.629 trẻ, đạt tỷ lệ: 100 %.

Giáo dục tiểu học: Năm học 2016 – 2017, huy động được 34.208 học sinh đến lớp, tăng 78 học sinh so với năm học trước. Trong đó, trẻ 6 tuổi vào lớp 1 (sinh năm 2010) là 4.816/ 4.846, đạt 100%; học 2 buổi/ngày là 29.033 em, đạt tỉ lệ: 84,9%, (tăng 7,3%); học 2 buổi/ngày (có bán trú) có 6.287, đạt tỉ lệ 17,34% (tăng 1,34%); có 3.941 em học tiếng Anh tăng cường (tăng 38,06%); 1.049 em học tiếng Anh tự chọn (giảm 69,79%); Tin học tự chọn: 10.884 học sinh, tăng 9,53% so với năm học 2015 – 2016.

Giáo dục trung học cơ sở: Năm học 2016-2017, huy động được 22.346 học sinh đến trường, trong đó tuyển mới vào lớp 6 là 6.180 em, đạt tỷ lệ 100%. Có 19/23 trường THCS tổ chức dạy hai buổi/ngày; 03 trường dạy 01 buổi.

3.3.2. Các chỉ tiêu đạt được:

Tiếp tục duy trì huyện đạt chuẩn quốc gia về công tác chống mù chữ và phổ cập giáo dục các bậc học và phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi.

Thực hiện tốt các chỉ tiêu xóa mù chữ - giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ, phổ cập giáo dục các bậc học và phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi tại địa phương với kết quả như sau:

Có 04/21 xã, thị trấn khai giảng lớp xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ 6 tháng đầu năm 2016. (gồm xã Tân Phú Trung, Thị Trấn Củ Chi, Phước Thạnh, Tân Thạnh Đông). Tổng số lớp: 17 lớp ; có 171 học viên/460 học viên theo chỉ tiêu huyện giao.

Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi công nhận năm 2017. Với nhiều biện pháp, các trường đã huy động tất cả trẻ trong độ tuổi ra lớp. Kết quả đã huy động 4816/ 4816 trẻ 6 tuổi (sinh năm 2010) vào lớp 1 đạt tỷ lệ 100%.

Tỉ lệ duy trì sĩ số cuối năm đạt 99,9%. Có 26 em bỏ học (0,08%) thuộc diện tạm trú theo gia đình về quê.

Trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: 4991/ 5113 em (97,61%).

Trẻ 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: 4555/ 4555 em (100%).

Phổ cập giáo dục THCS

Phòng Giáo dục và Đào tạo đã tham mưu Ủy ban nhân dân huyện cùng có Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục tại các xã, thị trấn xây dựng lề lối làm việc và cơ chế chỉ đạo kiểm tra; phân công trách nhiệm cho các ban ngành đoàn thể xã, thị trấn để triển khai thực hiện các mục tiêu phổ cập. Tích cực tham mưu kịp thời cho cấp ủy và chính quyền địa phương trong việc phối hợp các lực lượng, các đoàn thể để có biện pháp hữu hiệu trong việc huy động ra lớp, duy trì sĩ số; hạn chế số học sinh lưu ban, bỏ học; củng cố chất lượng các lớp phổ cập giáo dục THCS. Tổ chức kiểm tra công nhận các xã đạt chuẩn phổ cập quốc gia bậc trung học trong năm 2016.

Được sự quan tâm lãnh đạo sâu sát của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện và Đảng ủy, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trong công tác huy động học sinh ra lớp nên trong năm 2016 có 21/21 xã thị trấn được công nhận đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục THCS. So với kế hoạch đạt tỉ lệ 100%.

Tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện tổ chức Hội nghị khen thưởng các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong công tác xóa mù chữ-phổ cập giáo dục và Trung tâm học tập cộng đồng năm 2016.

Phổ cập bậc Trung học

Hiện còn duy trì 17/21 xã, thị trấn đã khai giảng các lớp PCGD bậc trung học năm 2016 và duy trì đến năm 2017.

Tổng số lớp: 25 lớp; có 361 học viên (chỉ tiêu 2017 thực hiện 58/247 học viên)

3.3.3. Hoạt động Trung tâm học tập cộng đồng:

Trong năm học 2016 – 2017, 21/21 Trung tâm học tập cộng đồng hoạt động từ tháng 6/2016 đến 6/2017 với kết quả như sau:

Ngành nghề	Số buổi	Lượt người tham dự
Ngoại ngữ và Tin học	12	32
Giáo dục pháp luật	70	2.541
Tập huấn nông nghiệp	55	2.314
Tập huấn nghề ngắn hạn	04	95
Tư vấn kinh tế gia đình :	105	7.929
Y tế sức khỏe	167	8.062
Văn nghệ, thể dục thể thao	137	7.538
Nội dung khác	248	31.323

Tổng cộng kinh phí hoạt động các TTHTCĐ 6 tháng đầu năm 2017 là 1.481.800.000 đồng, trong đó gồm:

Kinh phí huyện cấp: 322.730.000 đồng

Kinh phí xã cấp: 761.223.000 đồng

Mạnh thường quân: 397.800.000

3.4. Công tác phân luồng học sinh sau THCS:

Kết quả phân luồng sau tốt nghiệp trung học cơ sở và tuyển sinh lớp 10 năm học 2016-2017:

Tốt nghiệp năm học 2016-2017 : 4460 HS. Đăng ký tuyển sinh lớp 10 : 3947, tỉ lệ : 88,72%

Số học sinh trúng tuyển lớp 10 THPT : 3118/3957, tỉ lệ 69,9%

Phân luồng trước và sau thi tuyển sinh vào lớp 10 như sau:

+ Kết quả trước phân luồng : 623 HS, tỉ lệ 13,97% trong đó:

166 HS : học trung học phổ thông dân lập và Trung cấp chuyên nghiệp.

202 HS : học Trung tâm Giáo dục Thường xuyên .

242 HS : Trung cấp nghề Củ Chi.

+ Kết quả không trúng tuyển, không đăng ký học: 719 HS, tỉ lệ 16,12%

3.5. Giáo dục chuyên biệt, nâng cao chất lượng học tập của trẻ em dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và các nhóm dễ bị tổn thương:

3.5.1. Giáo dục trẻ khuyết tật:

Trường Nuôi dạy trẻ em khuyết tật có 12 lớp với 93 em, số học sinh so với năm học 2015 - 2016 tăng 05 em.

3.5.2. Về giáo dục hòa nhập:

Toàn ngành có 481 trẻ khuyết tật học hòa nhập tại các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn huyện. Cụ thể: Tiểu học: 371, trung học cơ sở: 107, mầm non: 7.

Bậc học mầm non hiện có 7 trẻ khuyết tật học hòa nhập tại các trường Mầm non Phước Vĩnh An, Trung Lập Thượng, Tân An Hội 2, Thái Mỹ, Sư Đoàn 9 và 478 học sinh khuyết tật học hòa nhập tại 39/39 trường tiểu học, 20/23 trường trung học cơ sở (tiểu học: 371 học sinh, trung học cơ sở là 107 học sinh).

Tất cả học sinh học hòa nhập được đáp ứng đầy đủ theo điều kiện của nhà trường. Giáo viên dạy lớp có học sinh học hòa nhập đều chú trọng việc xây dựng kế hoạch giáo dục hòa nhập trong từng học kì, tháng... Thực hiện tốt các loại sổ (lập kế hoạch giáo dục cá nhân, sổ theo dõi sự phát triển của trẻ, kế hoạch bài dạy).

Học sinh học hòa nhập được đánh giá qua các lần kiểm tra định kì. Giáo viên thường xuyên quan tâm sâu sát học sinh học hòa nhập, theo dõi từng tiến bộ nhỏ của học sinh và liên hệ trực tiếp với cha mẹ học sinh về những bất thường xảy ra trong lớp.

Nhà trường đã tổ chức chăm lo các em qua các hoạt động của nhà trường như phong trào nụ cười hồng, vui Tết Trung thu; tham mưu với chính quyền địa phương, phối hợp với cha mẹ học sinh tạo mọi điều kiện để các em đến trường học hoà nhập, không nghỉ bỏ học. Thực hiện chính sách hỗ trợ kinh phí cho giáo viên giảng dạy đúng quy định. Chỉ đạo giáo viên soạn kế hoạch dạy – học có mục tiêu riêng cho học sinh khuyết tật, lựa chọn phương pháp giảng dạy phù hợp với đối tượng học sinh khuyết tật, thiết lập hồ sơ riêng cho từng em.

4. Tình hình thực hiện nhiệm vụ đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và thiết bị dạy học.

4.1. Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia:

Trong năm học 2016-2017, đã xây dựng 05 trường theo hướng đạt chuẩn quốc gia theo 5 tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Được Sở Giáo dục và Đào tạo về kiểm tra công nhận chuẩn Quốc gia Trường THCS Nhuận Đức, THCS Phú Hòa Đông, TH Trung Lập Hạ, TH Trung Lập Thượng. Tính đến tháng 8, nếu được UBND Thành phố ban hành quyết định công nhận, huyện Củ Chi sẽ có 27 trường đạt chuẩn quốc gia.

4.2. Thực trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị của từng cấp học:

4.2.1. Công tác xây dựng cơ sở vật chất trường học:

Đầu năm học 2016 – 2017, các trường được đưa vào sử dụng gồm MN An Phú, MN Phước Thạnh, TH Tân Tiến, TH Nhuận Đức, TH Phú Hòa Đông 2. Các trường được thành lập mới nhưng chưa đi vào hoạt động: TH-THCS Tân Trung, MN Tây Bắc, MN Tân Thạnh Tây. Học kì 2 đưa vào sử dụng Trường THCS Phước Thạnh với 25 phòng học và khối phụ với kinh phí 57.491.000.000 đồng, Trường TH Tân Thạnh Đông 2 với 30 phòng học và khối phụ với kinh phí 110.000.000.000 đồng.

Tính đến thời điểm báo cáo: Tổng số trường: 94 (MN: 31 có MN Tân Thạnh Tây, MN Tây Bắc; TH: 40 có trường TH-THCS Tân Trung; THCS: 23). Tổng số trường đạt chuẩn CSVC: 64. Trường chưa đạt chuẩn CSVC: 30. Số dự án trường học: 30. Tổng vốn đầu tư: 1.629.337.000.000 đ. Đã giải ngân đến 31/3/2017: 77.470.000.000 đ

Thực hiện nguồn vốn nông thôn mới: các xã đã triển khai thi công công trình MN Tân An Hội (Áp Cây Sộp) xây 04 phòng học, 01 văn phòng, 01 phòng GV; MN Phước Thạnh (phân hiệu áp Phước An) với 8 phòng học và khối phụ, MN Bình Mỹ (Áp 5). Ngân sách vốn vay gồm MN An Nhơn Tây (Lô 6) với 5 phòng học và khối phụ. Nguồn vốn vay gồm MN Phước Vĩnh An với 15 phòng học và khối phụ; MN Nhuận Đức với 18 phòng học và khối phụ, sửa chữa cải tạo 6 phòng học và khối phụ; MN Trung Lập Thượng (Áp Ràng) với 8 phòng học và khối phụ.

Các công trình xây dựng mới sắp hoàn thành đưa vào sử dụng năm học 2017 – 2018: Trường TH Lê Văn Thế, TH Tân Phú, MN Trung Lập Hạ.

Hiện nay, Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình huyện đang xây dựng mới Trường MN Phước Hiệp; TH Phước Hiệp; lập dự án giai đoạn 2016-2018, xây dựng mới TH Tân Thông Hội, TH An Phú 2, MN Thị trấn Củ Chi 1, MN Thị trấn Củ Chi 3, MN Trung An 1, xây dựng mở rộng TH Phạm Văn Cội, TH Thị trấn Củ Chi 2.

Giai đoạn 2016-2020, huyện tiếp tục được quan tâm đầu tư sửa chữa, xây dựng mới các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn huyện, đảm bảo đạt chuẩn về cơ sở vật chất, tạo điều kiện thuận lợi để nâng

cao chất lượng giáo dục, giúp học sinh trên địa bàn huyện có cơ hội được học tập, tiếp cận với cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại. Tính đến tháng 6/2017, Củ Chi đã đạt 265,3 phòng học/10 ngàn dân. Để đạt mức 300 phòng học/10 ngàn dân vào năm 2020 theo Nghị quyết của thành phố, ngành giáo dục huyện Củ Chi phải xây mới thêm khoảng 300 phòng học. Hiện tại có 2653 phòng/90.590 dân số trong độ tuổi đến trường từ 3→18 tuổi. Công trình trường học khánh thành đưa vào sử dụng năm học mới 2017-2018: Tổng cộng:144 phòng (MN: 65 phòng, TH: 48 phòng, THCS: 31 phòng).

4.2.2. Tình hình mua sắm sách, thiết bị dạy học (TBDH):

Phòng Giáo dục và Đào tạo triển khai các trường tập trung xây dựng Thư viện trường học theo QĐ 01/2003/QĐ-BGDĐT ngày 02/01/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các trường đối chiếu với biểu điểm kiểm tra danh hiệu Thư viện của Sở Giáo dục và Đào tạo để điều chỉnh mức độ phấn đấu xây dựng Thư viện theo danh hiệu đã đăng ký; tăng cường bổ sung sách theo danh mục sách do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định; xây dựng, củng cố tủ sách giáo khoa dùng chung trong nhà trường. Tiếp tục xây dựng và củng cố tủ sách pháp luật. Thư viện các trường tổ chức hoạt động đảm bảo nghiệp vụ, thực hiện tốt các phong trào; đặc biệt phong trào đọc sách trong giáo viên và học sinh, phong trào tặng sách cho Thư viện trường, thực hiện Ngày Sách Việt Nam. Tổ chức Hội thi “Lớn lên cùng sách”; Hội thi Kể chuyện sách cấp huyện: Giải nhất: THCS Trung Lập, TH Trần Văn Châm; giải nhì: THCS Tân Tiến, TH Liên Minh Công Nông; giải ba: THCS Thị Trấn 2, TH Lê Văn Thê; giải khuyến khích: THCS Tân Thạnh Tây, TH An Nhơn Đông, TH Tân Thạnh Đông 2.

Về mua sắm bổ sung sách cho Thư viện: Tổng kinh phí các trường mua sách bổ sung cho Thư viện: Tiểu học: 557.207.000đ; THCS: 385.587.000đ.

Về đánh giá xếp loại thư viện trường học: Tổng số trường THCS: 23; Số trường được đánh giá, xếp loại: 23; Thư viện trường học xuất sắc: 06, Thư viện trường học tiên tiến: 16; Đạt chuẩn: 01(THCS Bình Hòa).

Số trường Tiểu học được kiểm tra đánh giá, xếp loại: 37/39;

4.3 Công tác xây dựng thư viện điện tử:

Phòng GDĐT huyện Củ Chi ban hành quyết định số Quyết định số 175/QĐ-GDĐT, ngày 14 tháng 6 năm 2017 về việc cấp kinh phí xây dựng thư viện điện tử Trường Tiểu học Phạm Văn Cội. Tổng mức đầu tư 1.547.365.000 đồng

Trường Tiểu học Phạm Văn Cội lập Đề án số 97/KH-THPVC, ngày 05 tháng 4 năm 2017 về “ Xây dựng thư viện điện tử Trường Tiểu học Phạm Văn Cội năm 2017” . Nhà trường đã trình và được Thường trực UBND huyện Củ Chi nhất trí về chủ trương thực hiện và đưa vào sử dụng ngày 01/12/2017.

Nhà trường tổ chức cho 1079/1079 học sinh tham gia hoạt động tại thư viện điện tử, sử dụng máy tính bảng , đọc sách chung qua bảng tương tác tỷ lệ đạt 100%.

Học sinh hứng thú khi đến thư viện và say mê tham gia với nhiều nội dung đa dạng như: Đọc sách trên máy tính bảng, đọc sách chung qua bảng tương tác. Suru tầm tài liệu, kiến thức để học tập qua máy tính bảng. Giáo viên hướng dẫn học sinh học tập qua màn hình thông minh. Tổ chức học Tiếng Anh qua sử dụng phần mềm Tiếng Anh. Tổ chức tìm hiểu về hệ thống địa đạo Củ Chi.v.v.

Thư viện điện tử với các tài liệu số sẽ tiết kiệm không gian lưu trữ, dễ dàng bảo quản. Bên cạnh đó việc truy xuất và đọc tài liệu thông qua nguồn số liệu đã được số hóa trên các thiết bị điện tử hoặc trên mạng Internet hoặc thông qua phần mềm sẽ giúp truy cứu, tìm kiếm dữ liệu cho học tập và công tác chuyên môn được nhanh chóng, tiện lợi.

Góp phần đổi mới căn bản và hiện đại hóa công tác giáo dục, nghiên cứu: Nguồn tài liệu phong phú và đa dạng như: nguồn tài liệu sách, giấy, tài liệu số hóa- điện tử, tài liệu các nguồn mạng; Công tác giảng dạy hiện đại thông qua việc sử dụng hệ thống trang thiết bị như: bảng tương tác, máy tính bảng, hệ thống âm thanh, phần mềm dạy học.

4.4. Công tác mua sắm- sửa chữa:

Mua sắm bổ sung thiết bị, ĐDDH: 628.234.416đ (TH: 324.102.435đ; THCS: 304.131.981đ). Các trường đầu tư kinh phí nhiều cho mua sắm bổ sung: Tiểu học: Tân Phú Trung, Phước Vĩnh An, Phước Thạnh, An Phước; THCS Tân Phú Trung, Phước Vĩnh An, Phước Hiệp, Nhuận Đức,Thị trấn 2, Tân Thạnh Đông, Trung An.

4.5. Công tác xã hội hóa giáo dục:

Công tác xã hội hóa được đẩy mạnh, nhiều tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân đã tích cực đầu tư kinh phí xây dựng trường học đạt chuẩn về CSVC; sửa chữa phòng học, thư viện, nhà vệ sinh; hỗ trợ mua sắm nhiều thiết bị, đồ dùng dạy học có giá trị có giá trị để phục vụ việc chăm sóc, giáo dục trẻ. Điển hình như: công ty TNHH Nike Việt Nam hỗ trợ cho Trường Tiểu học An Nhơn Tây trang bị toàn bộ sân chơi, sân tập đa năng, sửa chữa hệ thống nước, thay mới toàn bộ cửa nhà vệ sinh, la phong, gạch nền khu văn phòng, xây hàng rào mặt tiền trường với số tiền là 403.084.000đ; Công ty TNHH Quốc Tế Unilever Việt Nam tài trợ công trình khu vui chơi cho học sinh Trường Tiểu học Phước Thạnh với tổng kinh phí là 200.000.000đ. Ngoài ra còn có nhiều mạnh thường quân tham gia tài trợ học bổng cho học sinh tại các trường có hoàn cảnh khó khăn, học giỏi, tổng số tiền 1.959.665.000đ (Một tỷ chín trăm năm mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi lăm ngàn đồng chẵn).

Trong năm học các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đã thực hiện một số nội dung, công trình do phụ huynh học sinh tài trợ gồm:

Trường thực hiện tốt việc tham mưu trang bị đồ dùng, đồ chơi bằng nguồn từ ngân sách và xã hội hóa cụ thể: mua sắm trang thiết bị đồ dùng, đồ chơi với số tiền 2.415.668.360 tỷ đồng (Ngân sách: 2.157.897.000 đ; xã hội

hóa: 257.771.360 đ); trong đó lớp 5-6 tuổi được trang bị đồ dùng với số tiền: 412.563.750 đồng, Trang bị đồ chơi số tiền: 398.455.990 đồng.

5. Thực hiện chính sách chế độ đặc thù của ngành giáo dục và đào tạo.

a) Hướng dẫn thu - chi năm học: theo văn bản 10905/UBND-VP của UBND huyện Củ Chi ngày 17/11/2016 về thu, sử dụng học phí và thu khác của cơ sở giáo dục và đào tạo công lập năm học 2015-2016.

b) Chế độ miễn, giảm học phí và Hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh và Chế độ chi hỗ trợ ăn trưa cho trẻ 3, 4 và 5 tuổi: thực hiện Nghị định 74/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

c) Các chính sách đặc thù của thành phố cho ngành Giáo dục và Đào tạo: Thực hiện theo Quyết định số 34/2011/QĐ-UBND ngày 03/6/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về một số chính sách đối với cán bộ, viên chức, nhân viên ngành Y tế, Giáo dục trên địa bàn quận, huyện thuộc thành phố.

6. Về tài chính:

a) Về kinh phí chi thường xuyên

- Chi thường xuyên sự nghiệp giáo dục, đào tạo: 536.568 tỷ đồng

- Kinh phí thực hiện Nghị định 74/2013/NĐ-CP của Chính phủ:

+ Chế độ miễn, giảm học phí và Hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh: 69.570 tỷ đồng

+ Chế độ chi hỗ trợ ăn trưa cho trẻ 3, 4 và 5 tuổi: 31.000 triệu đồng

Kinh phí thực hiện Nghị định số 54/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ về chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo: 39.117 tỷ đồng

Kinh phí hỗ trợ giáo viên mầm non theo Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg ngày 26/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ: 11.438 tỷ đồng.

b) Chi đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm Thiết bị dạy học, chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020.

2.1. Chi đầu tư xây dựng cơ sở vật chất.

	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Dự kiến năm 2018
Kinh phí Nhà nước cấp cho đầu tư xây dựng trường học:	242,648 tỷ đồng	325,976 tỷ đồng	596,992 tỷ đồng	619.500 tỷ đồng
Số phòng học mới đưa vào sử dụng:	129 phòng	162 phòng	263 phòng	195 phòng

2.2. Chi đầu tư mua sắm trang thiết bị dạy học, sửa chữa trường học:

Năm	2016	2017	Ước 2018	Ghi chú
Chi mua sắm	1.745.361	2.000.000	2.240.000	
Chi sửa chữa	26.788.651	27.000.000	30.050.000	

c) Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo

Dự án 1: Hỗ trợ phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi, xóa mù chữ và chống tái mù chữ, duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở đúng độ tuổi và hỗ trợ phổ cập giáo dục trung học: 2.010 tỷ đồng.

Dự án 2: Tăng cường dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân: không.

Phần II

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Thành tựu

Có được những kết quả trên là do ngành luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Thường trực Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện, Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố, sự hỗ trợ và phối hợp đồng bộ giữa các ban ngành, đoàn thể, đặc biệt là các lực lượng xã hội, phụ huynh học sinh các trường; cơ sở vật chất, trường lớp không ngừng được đầu tư xây dựng. Nhiều trường học được xây mới khang trang hơn, mạng lưới trường lớp được mở rộng. Đội ngũ Cán bộ quản lý, giáo viên luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức, học tập và làm theo tấm gương đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh, tích cực đổi mới phương pháp quản lý, giảng dạy, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học trên địa bàn huyện.

2. Khó khăn

Tuy đạt được những kết quả đáng khích lệ trên, Ngành Giáo dục và Đào tạo Huyện cũng còn những khó khăn, hạn chế cần nỗ lực hơn và có biện pháp, kế hoạch khắc phục trong những năm học tới :

2.1. Về xây dựng trường đạt chuẩn Quốc Gia

Dù có đầu tư xây dựng trường lớp nhưng vẫn chưa đáp ứng được sự tăng nhanh dân số cơ học ở các địa phương nhất là các xã đô thị hóa. Tiêu chuẩn về số học sinh trên lớp ở các trường đạt chuẩn quốc gia bậc phổ thông có nguy cơ bị phá vỡ.

Do tiến độ thi công các công trình còn chậm so với kế hoạch đề ra. Trong thời gian được xây dựng, các trường phải mượn nhiều điểm để học tạm nên chất lượng của một số trường giảm sút, đến khi hoàn thành công trình thì tiêu chuẩn chất lượng của trường không đạt.

Các trường mới được xây dựng đạt chuẩn có qui mô lớn, khang trang đòi hỏi Hiệu trưởng phải đầu tư quản lý, khai thác, sử dụng đạt hiệu quả cao nhất. Đồng thời, phải duy tu, sửa chữa hàng năm tránh để xuống cấp nhưng vẫn còn Hiệu trưởng quản lý chưa tốt, nên các trường gặp rất nhiều khó khăn trong việc sắp xếp, bố trí nhân sự, lớp, học sinh và do một số ít Hiệu trưởng chưa làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, chưa tranh thủ được sự giúp đỡ của các nguồn lực xã hội, chưa tích cực phối hợp với chính quyền, các tổ chức đoàn thể ở địa phương trong việc xây dựng cơ sở vật chất, trang bị các phương tiện cần thiết cho việc dạy và học.

2.2. Về công tác CMC – PCGD

Địa bàn rộng, dân cư không tập trung, phân tán và cách xa trường học, việc học tập của nhiều con em gia đình lao động nghèo gặp nhiều khó khăn, việc huy động trẻ bỏ học những năm qua ra lớp còn hạn chế.

Một số gia đình phụ huynh học sinh do công việc làm ăn chưa dành thời gian theo dõi việc học tập của con em mình, mọi việc điều khoản trắng cho nhà trường trong việc dạy dỗ các em cho nên học lực của các em yếu dần dẫn đến chán học và bỏ học.

2.3. Về quản lý, nâng cao chất lượng dạy và học

Một số trường phổ thông đang gặp khó khăn do thiếu phòng học, cơ sở vật chất xuống cấp, do vậy không thể thực hiện việc dạy học 2 buổi/ngày. Các phòng chức năng còn thiếu, nên chưa đáp ứng việc tổ chức thực hành thí nghiệm.

Một bộ phận học sinh là dân nhập cư từ nhiều tỉnh, thành khác, cha mẹ đa số là công nhân trong các nhà máy- xí nghiệp thường xuyên thay đổi việc làm nên học sinh thường xuyên chuyển trường ít nhiều làm ảnh hưởng đến việc học tập của các em..

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục đạo đức cho học sinh ở một số trường chưa được Hiệu trưởng đầu tư về hình thức giáo dục nên chưa thu hút được các em học sinh tích cực tham gia.

Một số ít cán bộ quản lý, giáo viên chưa tích cực đổi mới phương pháp, chưa chủ động trong công tác, nên chất lượng dạy và học của nhà trường chưa cao.

Đội ngũ giáo viên dạy các môn Nhạc, Hoạ, Thể dục còn thiếu nên ảnh hưởng không ít đến giáo dục toàn diện.

Thực hiện chương trình theo hướng mới hiện nay còn một số giáo viên chưa năng động, sáng tạo trong việc thực hiện.

Giáo viên các trường lớp tự thực và nhóm- lớp không ổn định dẫn đến chất lượng cơ sở giáo dục chưa cao.

3. Bài học kinh nghiệm:

Để đạt được những kết quả nêu trên, ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi đã rút ra những bài học kinh nghiệm sau:

3.1. Để ổn định tình hình tư tưởng của đội ngũ Hiệu trưởng phải tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, tiếp tục tổ chức tốt việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Hồ Chí Minh theo Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch triển khai thật cụ thể, khắc phục được những mặt hạn chế trong đơn vị.

3.2. Phong trào thi đua phải có nội dung, mục tiêu rõ ràng, bám sát nhiệm vụ chính trị của ngành, phải sáng tạo đổi mới nội dung, hình thức và phương thức tổ chức; phải sơ kết, tổng kết, đánh giá, qua đó tuyển chọn những tập thể, cá nhân xuất sắc trong phong trào để nêu gương, nhân điển hình, động viên khen thưởng kịp thời. Nhờ vậy phong trào thi đua mới đi vào chiều sâu, phát triển bền vững và góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị của ngành.

3.3. Các trường thực hiện tốt quy chế phối hợp 3 môi trường giáo dục “Gia đình- Nhà trường- Xã hội”; quy chế phối hợp với Công an; phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp, thân thiện giúp cho chất lượng giáo dục không ngừng nâng cao.

3.4. Công tác quản lý, chỉ đạo phải được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ; phải xây dựng kế hoạch cụ thể rõ ràng; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra để giúp cơ sở khắc phục khó khăn về chuyên môn, cũng như một số vấn đề khác liên quan đến hoạt động của nhà trường.

3.5. Tập thể nhà trường phải đoàn kết, thống nhất cao; phối hợp tốt các lực lượng trong và ngoài nhà trường để cùng chăm lo sự nghiệp giáo dục. Đẩy mạnh hoạt động Đoàn- Đội, đây vừa là mục tiêu vừa là biện pháp quan trọng để giáo dục lý tưởng, giáo dục trách nhiệm với cộng đồng, rèn luyện kỹ năng sống và hợp tác trong hoạt động xã hội.

3.6. Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, xây dựng môi trường sư phạm, xây dựng nếp sống văn minh, tự tin, năng động và ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực xâm nhập vào nhà trường.

3.7. Hiệu trưởng phải quán triệt, chỉ đạo giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm quan tâm, gần gũi, giúp đỡ học sinh, đặc biệt là học sinh yếu kém, có hoàn cảnh khó khăn. Đây là một trong những biện pháp hữu hiệu để hạn chế tình trạng học sinh lưu ban và bỏ học. Giáo viên chuyên trách phổ cập thường xuyên cập nhật, rà soát, lập danh sách học sinh nghỉ, bỏ học trên địa bàn, tích cực vận động các em ra lớp; tham mưu cho Ban Chỉ đạo chống mù chữ, phổ cập giáo dục xã tiếp tục mở các lớp phổ cập trên địa bàn.

3.8. Thường xuyên tổ chức hội thảo chuyên đề nâng cao chất lượng dạy và học, nhằm nâng cao hiệu suất đào tạo, hạn chế tình trạng học sinh lưu ban bỏ học và các vấn đề khác có liên quan đến công tác giáo dục và đào tạo. Rà soát, so sánh đối chiếu với chỉ tiêu, rút kinh nghiệm, phân tích mặt mạnh, mặt hạn chế để từ đó có kế hoạch phù hợp với thực tế.

3.9. Công tác chống mù chữ và phổ cập giáo dục cần có sự quan tâm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong việc huy động trẻ bỏ học trở lại trường lớp đúng lúc và kịp thời sẽ tạo điều kiện để các em tiếp tục học hết chương trình phổ

thông trung học và định hướng nghề nghiệp cho các em trong thời gian tới là hết sức quan trọng, góp phần thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục trên địa bàn huyện. Ngoài hình thức tuyên truyền, vận động đã được thực hiện, có thể tổ chức mạng lưới cộng tác viên làm công tác tuyên truyền bao gồm phụ huynh, học sinh, người có uy tín, có tâm huyết tại địa phương hoặc có quan hệ gần gũi láng giềng với những đối tượng trong diện phổ cập giáo dục để huy động trẻ bỏ học ra lớp, góp phần tăng thêm tính hiệu quả trong công tác phổ cập.

Phần III

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀO TẠO NĂM 2018 (Năm học 2018 - 2019)

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH:

- Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09/6/2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; thực hiện Nghị quyết 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 8 ban hành Nghị quyết về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

- Các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Quyết định, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về giáo dục và đào tạo, về phát triển kinh tế - xã hội các vùng.

- Định hướng phát triển giáo dục và đào tạo theo tinh thần của Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020, thông qua các nhiệm vụ trọng tâm: Thực hiện phổ cập giáo dục cho trẻ em 5 tuổi và triển khai các chính sách phát triển giáo dục mầm non; các đề án, dự án về phát triển trường chuyên, trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú, tăng cường năng lực dạy và học ngoại ngữ; xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; trường tiên tiến hiện đại, xây dựng trường tự chủ theo Nghị quyết 16; xây dựng xã hội học tập; tăng cường quản lý và nâng cao chất lượng đào tạo của các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp; quy hoạch nguồn nhân lực; bảo đảm thực hiện các chính sách về phát triển giáo dục, đào tạo; xã hội hóa giáo dục và đào tạo...

- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

- Quyết định số: 2631/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến 2025.

- Nghị quyết Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh khoá X.

- Quyết định số: 1999/QĐ-UBND ngày 24/4/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về Ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hành động số 36-CTrHĐ/TU của Thành ủy thực hiện NQ số 16-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển thành phố Hồ Chí Minh đến 2020;

- Quyết định số: 4887/QĐ-UBND ngày 02/10/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về Ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị Trung ương 8 – Khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Chương trình hành động số 04-CTr/HU ngày 25 tháng 11 năm 2010 của Huyện ủy Củ Chi về thực hiện Thông báo kết luận số 242-TB/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII và phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 08-NQ/HU ngày 23 tháng 12 năm 2010 của Huyện ủy Củ Chi về việc tăng cường lãnh đạo nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo và công tác phổ cập giáo dục các bậc học giai đoạn 2010-2015 và những năm tiếp theo;

Căn cứ Văn kiện Đại hội Đảng bộ huyện Củ Chi nhiệm kỳ 2015-2020; Ngành Giáo dục và Đào tạo huyện tiếp tục thực hiện đổi mới toàn diện nhà trường, tập trung xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, tạo tiền đề hướng tới xây dựng mô hình trường học tiên tiến, hội nhập khu vực. Toàn ngành chú trọng phát triển quy mô, nâng cao chất lượng giáo dục, đẩy mạnh phong trào thi đua “dạy tốt, học tốt”, thực hiện những giải pháp đột phá và những giải pháp lâu dài nhằm phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo, góp phần đẩy mạnh tiến trình xây dựng huyện Củ Chi theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới với các nhiệm vụ trọng tâm như sau:

II. NỘI DUNG PHÁT TRIỂN KẾ HOẠCH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2018:

1. Mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch:

1.1 Mục tiêu chung:

Ngành Giáo dục và Đào tạo huyện tiếp tục thực hiện đổi mới toàn diện nhà trường, tập trung xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, tạo tiền đề hướng tới xây dựng mô hình trường học tiên tiến, hội nhập khu vực. Toàn ngành chú trọng phát triển quy mô, nâng cao chất lượng giáo dục, đẩy mạnh phong trào thi đua “dạy tốt, học tốt”, thực hiện những giải pháp đột phá và những giải pháp lâu dài nhằm phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo, góp phần đẩy mạnh tiến trình xây dựng huyện Củ Chi theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới với các nhiệm vụ trọng tâm như sau:

1.1.1 Triển khai Chương trình hành động của Huyện ủy về thực hiện Nghị quyết 29- Hội nghị lần 8- Ban chấp hành Trung ương Khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”; Nghị quyết 33-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 9 – Khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”. Chú trọng giáo dục lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc; tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận

thức, ý thức tôn trọng pháp luật; hiểu biết sâu sắc, tự hào, tôn vinh lịch sử, văn hóa dân tộc và của huyện.

1.1.2. Tiếp tục tập trung đổi mới công tác quản lý; triển khai thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông; tập trung củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục; đổi mới phương thức đánh giá kết quả học tập của học sinh; chú trọng công tác bồi dưỡng học sinh giỏi; chú trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh. Tất cả học sinh phổ thông đều được tổ chức hoạt động tập thể, văn nghệ, thể dục thể thao; được giáo dục kỹ năng sống; được hướng dẫn phương pháp tự học hiệu quả; tiếp tục thực hiện đề án nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ, tin học trong toàn ngành.

1.1.3. Tiếp tục thực hiện các chính sách ưu đãi về vật chất và tinh thần tạo động lực cho các nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục về tư tưởng chính trị, đạo đức, trình độ đào tạo, năng lực nghề nghiệp. Đổi mới cách xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo lại, chương trình bồi dưỡng thường xuyên, cách thức tuyển dụng, đánh giá, sử dụng và bổ nhiệm nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục.

1.1.4. Tiếp tục phối hợp và phát huy sức mạnh tổng hòa của việc gắn kết gia đình – nhà trường - xã hội trong công tác giáo dục; giữ mối liên hệ và kết hợp chặt chẽ với hệ thống chính trị địa phương, với phụ huynh học sinh thực hiện tốt các chế độ chính sách xã hội trong giáo dục, đáp ứng yêu cầu và quyền lợi học tập của con em nhân dân huyện Củ Chi. Thực hiện các chính sách nhằm đảm bảo bình đẳng về cơ hội học tập; tiếp tục xây dựng xã hội học tập. Thực hiện chế độ học phí mới nhằm đảm bảo sự chia sẻ hợp lý giữa nhà nước, người học và xã hội.

1.1.5. Tiếp tục củng cố và nâng cao hiệu quả công tác phổ cập trên địa bàn, đảm bảo tiếp tục đạt chuẩn phổ cập (mầm non 5 tuổi, giáo dục tiểu học, giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, trung học cơ sở, bậc trung học), đảm bảo hiệu suất đào tạo và các chỉ tiêu. Huy động tối đa học sinh cũ, học sinh bỏ học năm học trước ra lớp. Thực hiện phát triển giáo dục theo chương trình nông thôn mới tại các xã, thị trấn.

Phát triển mạng lưới trường lớp, đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập THCS và THPT; xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia.

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, coi trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống học sinh; thực hiện công bằng giáo dục cho mọi đối tượng trẻ em trên địa bàn.

Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng.

Thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, dạy học.

1.2. Các chỉ tiêu phát triển giáo dục và đào tạo năm 2018

Phấn đấu kể từ năm 2018, 100% đơn vị trường học có kết nối đường truyền internet tốc độ cao, 100% giáo viên sử dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy thông qua giáo án điện tử; Đảm bảo trình độ giáo viên trên chuẩn ở các ngành học, bậc học theo chỉ tiêu: Mầm non: 85%, Tiểu học: 95%; THCS: 83%; THPT: 15%; các trường tổ chức học 2 buổi/ngày đạt chỉ tiêu: mầm non: 85%; tiểu học: 80%; trung học cơ sở: 95% và tăng dần vào các năm sau; tăng tỷ lệ nhập học của trẻ khuyết tật 30% trở lên; 100% trẻ em diện chính sách được hưởng các chính sách ưu đãi giáo dục.

1.2.1. Giáo dục mầm non:

Phấn đấu duy trì tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp mẫu giáo đạt từ 99,50% trở lên, 100% trẻ 5 tuổi đến trường được học Chương trình giáo dục mầm non mới. Duy trì phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi;

Tỷ lệ trẻ 5 tuổi học 2 buổi/ngày đạt 100%;

Trẻ 5 tuổi đi học - chuyên cần đạt từ 99,50% trở lên;

Phấn đấu trẻ 5 tuổi: tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (cân nặng theo tuổi) và thấp còi (chiều cao theo tuổi) không quá 0,5%;

Đảm bảo tối thiểu 90% số cháu trong độ tuổi đi học mẫu giáo và 20% số cháu trong độ tuổi đi nhà trẻ;

Trường đạt chuẩn quốc gia đạt tỷ lệ: 38,7% (12/31).

1.2.2. Giáo dục tiểu học

Nâng cao chất lượng giảng dạy, đổi mới phương pháp, hạn chế trẻ lưu ban hàng năm không quá 1,0%; không có trẻ bỏ học ở bậc tiểu học;

Huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt tỷ lệ: 100%;

Duy trì sĩ số đạt: từ 99% trở lên;

Trẻ trong độ tuổi 11 hoàn thành chương trình tiểu học đạt: từ 95% trở lên;

Học sinh lên lớp thẳng và hoàn thành chương trình tiểu học: từ 99% trở lên;

Hiệu suất đào tạo: đạt từ 99% trở lên;

Về năng lực: đánh giá mức đạt trở lên: 99%;

Về phẩm chất: đánh giá mức đạt trở lên: 100%;

Trường đạt chuẩn quốc gia đạt tỷ lệ: 35,8% (14/39).

1.2.3. Giáo dục trung học

Huy động trên 100% trẻ hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6; hạn chế trẻ bỏ học hàng năm không quá 2%. Tiếp tục huy động các em bỏ học trở lại lớp phổ cập giáo dục;

Tích cực đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng giảng dạy, kéo giảm tỷ lệ học sinh yếu kém hàng năm không quá 5%;

Học sinh xếp loại hạnh kiểm đạt yêu cầu trở lên đạt từ 99%;
Tỉ lệ học sinh lên lớp thẳng đạt từ 95% trở lên;
Tỉ lệ học sinh lớp 9 được công nhận tốt nghiệp Trung học cơ sở đạt từ 99 %;
Hiệu suất đào tạo đạt từ 85% trở lên;
Trường đạt chuẩn quốc gia đạt tỉ lệ: 54% (13/24).

1.2.4. Giáo dục thường xuyên

Củng cố và nâng cao tỷ lệ xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ, nhất là xóa mù chữ cho công dân từ 15 tuổi đến hết tuổi lao động;

Phần đầu đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2;

Trẻ trong độ tuổi từ 15 – 18 có bằng tốt nghiệp THCS hàng năm phải đạt từ 90% trở lên;

Tốt nghiệp Bổ túc THCS đạt từ 90% trở lên;

Số học sinh dự thi lớp 12 và tốt nghiệp THPT đạt từ 95% trở lên;

Tiếp tục huy động các em bỏ học bậc THPT trở lại lớp phổ cập giáo dục. Trẻ trong độ tuổi từ 18 – 21 có bằng tốt nghiệp THPT và các hệ tương đương phải đạt từ 75% trở lên;

Huy động từ 93% học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở vào lớp 10 phổ thông và các hệ tương đương;

Cụ thể:

+ 80% học sinh vào học lớp 10 các trường phổ thông.

+ Tỉ lệ còn lại vào học lớp 10 hệ giáo dục thường xuyên hoặc trung cấp chuyên nghiệp và trung cấp nghề.

2. Kế hoạch đào tạo

Triển khai thực hiện có hiệu quả chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thành ủy về xây dựng các mô hình thí điểm thực hiện Nghị quyết 29 - Hội nghị lần 8 Ban chấp hành Trung ương Khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

Thực hiện quy hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục của Huyện.

Triển khai có hiệu quả bồi dưỡng thường xuyên giáo viên mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên nhằm nâng cao năng lực nghề nghiệp của đội ngũ theo yêu cầu chuẩn nghề nghiệp giáo viên các cấp học, bậc học.

Tiếp tục đổi mới công tác tuyển dụng, đánh giá, sử dụng và bổ nhiệm nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục.

3. Kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị trường học:

Tiếp tục thực hiện qui hoạch mạng lưới trường lớp theo Quyết định số 02/2003/QĐ-UB ngày 03 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt quy hoạch phát triển mạng lưới trường học ngành giáo dục và đào tạo thành phố đến năm 2020.

Đẩy mạnh công tác xây dựng cơ sở vật chất trường lớp; trang thiết bị hiện đại phục vụ học tập và giảng dạy. Phối hợp các cơ quan, ban, ngành, xã - thị trấn trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt điều chỉnh qui hoạch chi tiết mạng lưới trường học trên địa bàn huyện phù hợp tình hình mới, đảm bảo sự phát triển của ngành đến năm 2020 tầm nhìn 2025.

Quan tâm đầu tư các trường đạt chuẩn Quốc gia về cơ sở vật chất theo tiêu chí nông thôn mới, các trường đạt chuẩn Quốc gia, các Trường tiên tiến, theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế

Thực hiện phương thức xã hội hóa giáo dục và đào tạo, đa dạng hóa các loại hình trường học.

4. Kế hoạch tài chính:

Căn cứ tình hình thực hiện dự toán năm 2017, Phòng Giáo dục và Đào tạo xây dựng dự toán chi ngân sách Nhà nước toàn ngành năm 2018 là: 597.136 tỷ đồng, tăng 112% so với dự toán năm 2017, trong đó:

Chi thường xuyên: 594.523 tỷ đồng (tăng 112%).

Chi chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo : 2.613 tỷ đồng (tăng 19,10%).

Chi đầu tư: 220 tỷ đồng (tăng 12%).

Chi tiết dự toán theo các nguồn như bảng dưới đây:

Đơn vị : tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	Ước thực hiện 2017	Dự toán 2018	Tỷ lệ tăng/giảm
	Tổng Chi NSNN cho GD-ĐT	536.568	597136	+112
1	Nội dung chi:			
1.1	Chi thường xuyên sự nghiệp GD-ĐT	534.558	594.523	+1,12%
	- Tỷ trọng trong tổng chi NSNN cho GD-ĐT			
1.2	Chương trình mục tiêu quốc gia GD-ĐT	2.010	2.613	+1,3
1.3	Chi đầu tư	115	138	+1,2%

5. Giải pháp và kiến nghị:

5.1. Một số giải pháp thực hiện kế hoạch.

Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân huyện ban hành các văn bản chỉ đạo công tác phát triển giáo dục và đào tạo; trong đó tập trung công tác chống mù chữ và phổ cập giáo dục; thực hiện có hiệu quả các biện pháp nâng cao chất lượng dạy và học, nhằm hạn chế học sinh yếu kém, kéo giảm học sinh lưu ban, bỏ học ở các cấp, các bậc học; tăng tỉ lệ học sinh tốt nghiệp các bậc học, góp phần nâng cao hiệu suất đào tạo, hoàn thành công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

5.1. 1. Củng cố, phát triển mạng lưới các trường

Thư viện điện tử là một mô hình hỗ trợ hiệu quả cho việc thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”. Thông qua thư viện điện tử giáo viên sẽ giảng dạy một cách “tự nhiên, nhẹ nhàng, hiệu quả” qua sử dụng các trang thiết bị hiện đại, học sinh có thể kiểm tra trực tiếp kết quả học tập ngay tại lớp trên màn hình thông minh. Lớp học sẽ trở sôi nổi, thân thiện và hiệu quả hơn.

“Thư viện điện tử” là mô hình hoạt động tích cực, phù hợp với xu thế phát triển chung của thời đại hướng đến một nền giáo dục tiên tiến, hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc. Tiếp tục xây dựng “Thư viện điện tử” tại trường THCS Thị Trấn 2.

Đầu tư ngân sách nhà nước có định hướng, trọng điểm, không bình quân dàn trải cho các cơ sở giáo dục công lập theo hướng đầu tư đến đâu đạt chuẩn đến đó. Từng bước chuẩn hóa, hiện đại cơ sở vật chất nhà trường, đảm bảo đủ nguồn lực tài chính và phương tiện dạy học tối thiểu của tất cả các cơ sở giáo dục. Đảm bảo phát triển hoàn chỉnh theo cơ cấu giáo dục quốc dân. Xác định mục tiêu đầu tư trong từng giai đoạn, phân kỳ. Trong kỳ kế hoạch xác định các công trình ưu tiên phải hoàn tất và các công trình phát triển trong kỳ kế hoạch tiếp, đảm bảo tiến độ thực hiện kịp yêu cầu phát triển dân số và kinh tế - xã hội trên địa bàn.

5.1. 2. Thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục tại địa phương

Điều tra khảo sát và nắm chắc danh sách trẻ trong độ tuổi cần huy động, lập kế hoạch phân tuyến cho các trường công lập và ngoài công lập tiếp nhận hết số trẻ trong độ tuổi. Đài truyền thanh các xã tuyên truyền vận động trẻ ra lớp. Phối hợp với các ban ngành đoàn thể tổ chức tốt ngày “Toàn dân đưa trẻ đến trường”.

Hiệu trưởng các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp phối hợp để giới thiệu các ngành học và định hướng nghề cho học sinh khối lớp 9 có sức học hạn chế.

Tiếp tục phối hợp các địa phương, các ban ngành đoàn thể, vận động các công ty, doanh nghiệp, các nhà hảo tâm, đặc biệt là vai trò của ban đại diện Cha mẹ học sinh các trường cùng tham gia hỗ trợ tích cực các công trình trường học phục vụ công tác dạy và học (tu bổ cơ sở vật chất trường lớp, hỗ trợ các chương trình nâng cao chất lượng giáo dục, chăm lo đời sống tinh thần cho thầy cô giáo, khen thưởng học sinh giỏi, học bổng cho học sinh nghèo,...).

5.1.3. Xây dựng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục bảo đảm chất lượng đào tạo theo mục tiêu đề ra; xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ giáo viên

Tiếp tục quán triệt sâu rộng trong đội ngũ về tư tưởng, quan điểm giáo dục là quốc sách hàng đầu, về Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ Huyện Củ Chi nhiệm kỳ 2015-2020 đối với giáo dục và đào tạo. Thường xuyên tổ chức cho đội ngũ CBQL, giáo viên nghiên cứu, quán triệt các văn bản chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, nhất là các văn bản có liên quan đến công tác giáo dục và đào tạo. Tiếp tục học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra nhằm đánh giá thực chất nghiệp vụ, năng lực giảng dạy của từng giáo viên để có kế hoạch đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng...lấy kết quả giáo dục làm thước đo, đánh giá kết quả thi đua của trường và giáo viên hàng năm.

Chỉ đạo ban giám hiệu các trường quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị phục vụ tốt nhu cầu giảng dạy, ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy nhằm tạo chuyển biến tích cực nâng cao chất lượng Dạy-Học.

5.1.4. Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao

Ngành giáo dục cần thực hiện đầy đủ nội dung chương trình, tiến hành đổi mới phương pháp giảng dạy:

Tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ giáo viên phụ đạo học sinh yếu kém nhằm tạo sự bền vững trong công tác phổ cập giáo dục bậc trung học.

Tiếp tục chỉ đạo các cơ sở giáo dục triển khai dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng phù hợp với từng đối tượng học sinh. Thực hiện kiểm tra đánh giá theo hướng khuyến khích tinh thần tự học và ý thức sáng tạo của học sinh. Từng giáo viên phải tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, tạo cho học sinh hứng thú học tập, hướng dẫn học sinh phương pháp học tập, chuẩn bị bài và làm bài ở nhà; nắm chắc học sinh yếu của bộ môn mình giảng dạy để có kế hoạch phụ đạo kịp thời, giúp các em tự tin hơn trong học tập và phấn đấu cuối năm được lên lớp.

Tiếp tục mở rộng và nâng cao chất lượng dạy học 2 buổi/ngày ở những trường tiểu học, THCS có điều kiện về cơ sở vật chất. Tiếp tục mua sắm thêm các trang thiết bị tối thiểu cho nhà trường, từng bước đưa các thiết bị hiện đại vào lớp học. Có kế hoạch từng bước xây dựng trường, lớp đảm bảo theo Chuẩn Quốc gia và nhu cầu học tập của học sinh. Xây dựng môi trường học thân thiện học sinh tích cực.

Bên cạnh việc chỉ đạo thực hiện hiệu quả chương trình quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thực hiện năm an toàn giao thông cho trẻ em, khuyến khích học sinh thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường. Quan tâm đến việc giáo dục đạo đức cho học sinh, cách ứng xử trong cuộc sống. Tổ chức các hoạt động ngoại khóa trải nghiệm, xây dựng các câu lạc bộ trong trường học như: câu lạc bộ toán học, khoa học, văn nghệ, thể thao bóng bàn, bóng rổ, tạo điều kiện cho học sinh có các sân chơi bổ ích trong nhà trường, xây dựng chương trình học có thời gian cho các em tham gia các hoạt động đoàn, đội, không ngừng nâng cao kỹ năng sống, bên cạnh chương trình học chính khóa.

5.1.5. Đổi mới quản lý

Tiếp tục triển khai có hiệu quả Thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT-BGDĐT-BNV của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý Nhà nước về giáo dục.

Nâng cao vai trò công tác tự kiểm tra, đánh giá và công tác kiểm tra chuyên đề; chú trọng kiểm tra công tác dạy thêm, học thêm, công tác thu - chi tại các đơn vị; xử lý nghiêm các cá nhân và đơn vị vi phạm các qui định pháp luật về tài chính.

Tổ chức chuyên đề kiểm tra việc ứng dụng phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp tại các đơn vị giáo dục.

Chỉ đạo hiệu trưởng tham dự khoá tập huấn về quản lý trường học. Tổ chức kiểm tra chuyên đề hiệu trưởng với ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục.

5.1.6. Thực hiện có hiệu quả quy chế phối hợp đã được ký kết giao ước:

Tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức trách nhiệm của gia đình trong việc quản lý giáo dục học sinh. Cha mẹ phải thực sự quan tâm đến việc học tập của con em mình; phải tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập tại nhà như: góc học tập, tôn trọng giờ học của các em, không sai vặt khi con đang học bài,... luôn động viên con em đến trường học tập, kiên quyết không cho con nghỉ học giữa chừng. Tích cực tham dự các buổi họp phụ huynh học sinh do nhà trường tổ chức để nắm chắc tình hình học tập của con em, phối hợp chặt chẽ với giáo viên chủ nhiệm lớp để cùng giáo dục các em.

Phối hợp tốt với chính quyền địa phương và các ban ngành đoàn thể trong công tác huy động học sinh đến trường, vận động học sinh bỏ học ra lớp. Triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp đã được kết luận trong hội thảo phòng chống lưu ban bỏ học, nhằm kéo giảm tỷ lệ học sinh yếu kém, khắc phục tình trạng học sinh lưu ban bỏ học. Phối hợp chặt chẽ giữa 3 môi trường: gia đình- nhà trường - địa phương để ngăn chặn kịp thời tình trạng bạo lực học đường và các tiêu cực khác có thể xâm nhập vào nhà trường.

5.1.7. Tăng cường cơ hội tiếp cận giáo dục cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em khuyết tật đến trường và hòa nhập vào cuộc sống

Thực hiện công bằng giáo dục cho mọi đối tượng trẻ em, bảo đảm quyền học tập cho trẻ em nhất là trẻ em dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, các nhóm thiệt thòi và dễ bị tổn thương nhất, ưu tiên cho diện chính sách được hưởng các chính sách ưu đãi giáo dục.

Đẩy mạnh thực hiện việc chăm lo cho học sinh nghèo nhằm đảm bảo công bằng trong giáo dục, đảm bảo không có trẻ em nào không được đến trường vì hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn. Thực hiện tốt giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật.

Tạo điều kiện để trẻ khuyết tật được học tập bình đẳng và hòa nhập cộng đồng, giáo dục trẻ phù hợp đối tượng, chủ động điều chỉnh linh hoạt về tổ chức dạy học, chương trình, phương pháp dạy học và đánh giá học sinh khuyết tật.

Khuyến khích các quỹ học bổng để miễn, giảm học phí cho học sinh là người dân tộc thiểu số và thuộc diện chính sách xã hội; hỗ trợ giáo dục đặc biệt cho người khuyết tật, trẻ em các dân tộc ít người.

5.2. Kiến nghị: không

Trên đây là kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm 2018 của huyện Củ Chi. Kính trình Thường trực UBND huyện phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT TPHCM;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND;
- TT UBND huyện (CT, PCT);
- Phòng QLĐT huyện;
- Phòng TNMT huyện;
- Phòng TCKH huyện;
- Phòng GD&ĐT huyện;
- Phòng NV huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, P.GDĐT, TTMén .30.

TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Trần Văn Toàn